

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-4-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thương.

2. Ông Hoàng Văn Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hợi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Huyền T**, sinh năm 1995.

Hộ khẩu thường trú: **Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.**

Chỗ ở hiện nay: **Số E, đường N, khối C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.**

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Hoàng Minh V**, sinh năm 1998

Địa chỉ: **Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.**

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Dương Thị Huyền T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Dương Thị Huyền T** và Anh **Hoàng Minh V** được tự do tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương; đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện B** ngày 02 tháng 3 năm 2021. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại **thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn**. Quá trình chung sống với nhau anh **Hoàng Minh V** không chịu chăm sóc và chu cấp hai con nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không thể hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát với nhau. Từ tháng 3 năm 2023, chị **Dương Thị Huyền T** cùng các con chuyển ra sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở **số E, đường N, khối C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn**. Từ đó đến nay, hai vợ chồng sống ly thân. Vì mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được, Chị **Dương Thị Huyền T** đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với Anh **Hoàng Minh V**.

Về con chung: Có hai người con chung là **Hoàng Thị Lan A**, sinh ngày 28/8/2021 và **Hoàng Thiên Â**, sinh ngày 22/7/2022. Khi ly hôn, Chị **Dương Thị Huyền T** yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Yêu cầu anh **Hoàng Minh V** cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung mỗi tháng là 1.000.000đồng/ 1 tháng/ 1 cháu. Tổng cộng anh **Hoàng Minh V** phải cấp dưỡng con chung mỗi tháng là 2.000.000đồng đến khi hai người con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh **Hoàng Minh V** có quyền đi lại thăm con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn, anh **Hoàng Minh V** theo bản tự khai ngày 19/01/2024 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **Hoàng Minh V** và chị **Dương Thị Huyền T** tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, sau đó được tổ chức cưới và đăng ký kết hôn như chị **Dương Thị Huyền T** trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, tuy nhiên sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Lý do chị **Dương Thị Huyền T** đòi ra thành phố sinh sống nhưng anh **Hoàng Minh V** không đồng ý, dẫn đến mâu thuẫn, xung đột và ly thân từ đầu năm 2023; chị **Dương Thị Huyền T** nói với anh **Hoàng Minh V** đưa hai con về thăm ông bà ngoại một tháng nhưng từ lúc đó chị **Dương Thị Huyền T** không chịu quay về sinh sống cùng anh **Hoàng Minh V** nữa. Nay chị **Dương Thị Huyền T** yêu cầu ly hôn, anh **Hoàng Minh V** đồng ý.

Về con chung: Có hai người con chung là **Hoàng Thị Lan A**, sinh ngày 28/8/2021 và **Hoàng Thiên Ân**, sinh ngày 22/7/2022. Khi ly hôn, anh **Hoàng Minh V** biết các con còn nhỏ dưới 03 tuổi nhưng anh **Hoàng Minh V** vẫn yêu cầu được nuôi con **Hoàng Thị Lan A**; chị **Dương Thị Huyền T** được nuôi cháu **Hoàng Thiên Ân** cho đến tuổi trưởng thành và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn Anh **Hoàng Minh V** không đến Tòa án tham gia trong quá trình tố tụng và nguyên đơn Chị **Dương Thị Huyền T** có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn Chị **Dương Thị Huyền T** đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Còn bị đơn Anh **Hoàng Minh V** vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị **Dương Thị Huyền T**. Về con chung: Giao các con chung là **Hoàng Thị Lan A**, sinh ngày 28/8/2021 và **Hoàng Thiên Ân**, sinh ngày 22/7/2022 cho Chị **Dương Thị Huyền T** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh **Hoàng Minh V** cấp dưỡng mỗi người con chung là 1.000.000 đồng/tháng; tổng hai người con chung là 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn chị **Dương Thị Huyền T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh **Hoàng Minh V** phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Chị **Dương Thị Huyền T** khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Anh **Hoàng Minh V** có chỗ ở tại **thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn**. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, hoãn phiên tòa lần 1 theo quy định pháp luật. Bị đơn Anh **Hoàng Minh V** triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Anh **Hoàng Minh V** là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị **Dương Thị Huyền T** và anh **Hoàng Minh V** là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B nên quan hệ hôn nhân giữa chị **Dương Thị Huyền T** và anh **Hoàng Minh V** là hợp pháp. Các đương sự đều thừa nhận có việc mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, không ai quan tâm chăm sóc ai. Anh **Hoàng Minh V** cũng đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa vắng mặt anh **Hoàng Minh V**. Vì vậy, chị **Dương Thị Huyền T** yêu cầu ly hôn với anh **Hoàng Minh V** là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có hai người con chung là **Hoàng Thị Lan A**, sinh ngày 28/8/2021 và **Hoàng Thiên Á**, sinh ngày 22/7/2022. Các con chung đều dưới ba tuổi; trong thời gian sống ly thân chị **Dương Thị Huyền T** đã chăm sóc nuôi dạy các con phát triển bình thường, điều kiện sinh hoạt và các chi phí đều do chị **Dương Thị Huyền T** trực tiếp thực hiện. Do đó, việc giao con cho chị **Dương Thị Huyền T** trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là bảo đảm cho việc phát triển của con chung. Việc yêu cầu anh **Hoàng Minh V** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 người con cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành là cần thiết và có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 81,82, 83 nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự trình bày là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị **Dương Thị Huyền T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000

đồng và anh **Hoàng Minh V** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83, 84; 107; 110; 116; 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Dương Thị Huyền T** được ly hôn với anh **Hoàng Minh V**.

2. Về con chung: Giao hai con chung là **Hoàng Thị Lan A**, sinh ngày 28/8/2021 và **Hoàng Thiên Â**, sinh ngày 22/7/2022 cho chị **Dương Thị Huyền T** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh **Hoàng Minh V** cấp dưỡng mỗi người con chung mỗi tháng là 1.000.000đồng/ 1 tháng/ 1 cháu. Tổng cộng anh **Hoàng Minh V** phải cấp dưỡng con chung mỗi tháng là 2.000.000đồng, phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 05 năm 2024 cho đến khi hai con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh **Hoàng Minh V** có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở.

Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu; mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc Chị **Dương Thị Huyền T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước. Ghi nhận Chị **Dương Thị Huyền T** đã nộp đủ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003468 ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

Buộc anh **Hoàng Minh V** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Chị **Dương Thị Huyền T** có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Anh **Hoàng Minh V** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Tân Văn, huyện Bình Gia;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hiệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Ái Vân

Trần Thị Diệp

Dương Thị Hiệt

